TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – HÀ NỘI** Bản án số: 1147/2025/DS-ST Ngày: 24/11/2025 "V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Phương.**

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà **Trần Thị Minh.**

- Bà **Trần Thị Kim Dung.**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Ngọc Quang** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*: Bà **Chu Thị Hồng Nhung -** Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 259/2024/TLST - DS ngày 05 tháng 12 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 348/2025/QĐXX - ST ngày 10 tháng 9 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 443/2025/QĐST-DS ngày 30/9/2025; Quyết định ngừng phiên tòa số 538 ngày 31/10/2025; giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hằng N,** sinh năm 1961. Có mặt.
Địa chỉ: Phường H, Hà Nội.
Người được ủy quyền: Bà Phan Thị Mai Trang, bà Trần Thị Mai. Có mặt.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Hùng – Luật sư, Công ty Luật TNHH Phúc Nguyễn. Có mặt.
Địa chỉ: Số 47 ngõ 23 phố Đỗ Quang, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.
* Bị đơn: **Công ty cổ phần Công nghệ M**.
Địa chỉ: phường H, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Minh D** – Giám đốc. Vắng mặt.
Người được ủy quyền: Ông **Ngô Văn D**, sinh năm 1974.
Địa chỉ: phường H, Thành phố Hà Nội.
* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Ông **Ngô Văn D**, sinh năm 1974. Vắng mặt.
- Bà **Nguyễn Thị Ngọc N**. Vắng mặt.
Đều trú tại: phường H, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hằng N trình bày:

Tôi và ông Ngô Văn D - trước đây là Giám đốc Công ty cổ phần Công nghệ M có quen biết nhau (do là hàng xóm gần nhà) và có mối quan hệ qua lại thân tình nên Ông Ngô Văn D nhiều lần ngỏ ý vay tiền tôi và đứng trên danh nghĩa là Công ty cổ phần Công nghệ M để ký giấy vay tiền.

Từ năm 2010 đến năm 2019, Công ty cổ phần Công nghệ M do ông Dực đứng tên đã ký với tôi 7 Hợp đồng vay tiền, cụ thể như sau:

Ngày 11/1/2010, Công ty cổ phần Công nghệ M vay số tiền là: 100.000.000 đồng.

Ngày 22/08/2013 Công ty cổ phần Công nghệ M vay số tiền là: 100.000.000 đồng.

Ngày 22/09/2013 Công ty cổ phần Công nghệ M vay số tiền là: 100.000.000 đồng.

Ngày 25/12/2013 Công ty cổ phần Công nghệ M vay số tiền là: 100.000.000 đồng.

Ngày 23/1/2017 Công ty cổ phần Công nghệ M vay số tiền là: 150.000.000 đồng.

Ngày 5/3/2019 Công ty cổ phần Công nghệ M vay số tiền là: 259.500.000 đồng.

Ngày 31/12/2019 Công ty cổ phần Công nghệ M vay số tiền là: 251.000.000 đồng.

Tổng số tiền là: 1.060.500.000 đồng (Một tỷ, không trăm sáu mươi triệu, năm trăm nghìn đồng). Tất cả các lần vay tiền trên đều ký Hợp đồng vay tài sản. Tôi đã giao toàn bộ số tiền nêu trên theo đúng thoả thuận. Sau khi nhận tiền, Công ty cổ phần Công nghệ M – người đứng đầu là ông Dực có cam kết sẽ trả lãi và hoàn trả tiền cho tôi.

Tuy nhiên, từ thời điểm ký kết thoả thuận đến nay, Công ty cổ phần Công nghệ M, ông Ngô Văn D không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ. Từ tháng 11/2023, nếu theo đúng thoả thuận thì Công ty Minh Đức và ông Dực phải trả cho tôi số tiền là: 390.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng) vào theo từng tháng như thoả thuận. Tuy nhiên, tính đến ngày 01/10/2024, Công ty Minh Đức thông qua bà Nga và ông Dực mới chỉ hoàn trả cho tôi được số tiền là: 210.000.000 đồng, cụ thể các lần như sau:

-Ngày 17/11/2023, hoàn trả: 30.000.000 đồng
-Ngày 30/11/2023, hoàn trả: 20.000.000 đồng
-Ngày 31/12/2023, hoàn trả: 40.000.000 đồng
-Ngày 31/01/2024, hoàn trả: 10.000.000 đồng
-Ngày 29/02/2024, hoàn trả 20.000.000 đồng
-Ngày 27/04/2024, hoàn trả: 20.000.000 đồng
-Ngày 30/06/2024, hoàn trả: 10.000.000 đồng
-Ngày 03/07/2024, hoàn trả: 20.000.000 đồng
- Ngày 31/07/2024, hoàn trả: 20.000.000 đồng

- Ngày 01/10/2024 hoàn trả: 20.000.000 đồng

Hành vi này của Công ty Minh Đức và ông Dực đã vi phạm nghĩa vụ theo thoả thuận. Tôi cũng đã rất nhiều lần liên hệ, yêu cầu Công ty cổ phần Công nghệ M, ông Ngô Văn D giải quyết việc trả lại tiền vay, tuy nhiên, đến nay Công ty cổ phần Công nghệ M, Ngô Văn D vẫn không trả và cũng không có thiện chí để giải quyết.

Ngày 01/11//2024, tôi đã thông báo đến Công ty cổ phần Công nghệ M, ông Ngô Văn D về việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng để Công ty và ông Dực biết và thực hiện. Đồng thời, yêu cầu ông Dực và Công ty thanh toán toàn bộ số tiền còn lại là: 850.500.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, hết thời hạn theo thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng là ngày 05/11/2025, Công ty Minh Đức và ông Dực vẫn không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả lại cho tôi số tiền: 850.500.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng năm trăm nghìn đồng).

Từ ngày 05/11/2024 đến nay, Công ty Minh Đức và ông Dực trả cho tôi thêm số tiền là: 50.000.000 đồng, cụ thể các lần như sau:

-Ngày 20/11/2024, trả số tiền là: 10.000.000 đồng

-Ngày 20/12/2024, trả số tiền là: 10.000.000 đồng

- Ngày 20/1/2025, trả số tiền là: 10.000.000 đồng

- Ngày 21/02/2025, trả số tiền là: 10.000.000 đồng

- Ngày 05/04/2025 , trả số tiền là: 10.000.000 đồng

Như vậy, Số tiền gốc còn lại đến nay là: 800.500.000 đồng

Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3, thành phố Hà Nội giải quyết những vấn đề sau đây:

Yêu cầu ông Công ty cổ phần Công nghệ M trả lại cho tôi số tiền đã vay mượn là: 800.500.000 đồng

Yêu cầu Công ty cổ phần Công nghệ M thanh toán cho tôi số tiền lãi là 10%/năm trên số tiền gốc cho đến khi Công ty cổ phần Công nghệ M thanh toán dứt điểm khoản nợ.

Ngày 01/11/2024, tôi đã gửi thông báo chấm dứt hợp đồng vay và yêu cầu hoàn trả khoản vay trước ngày 05/11/2024. Tuy nhiên đến hết hạn, Công ty Minh Đức vẫn không hoàn trả số tiền vay theo đúng thỏa thuận.

Tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

"Điều 468. Lãi suất

“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”

Do đó, từ ngày 5/11/2024 trở đi, sau khi bà Nga yêu cầu Công ty cổ phần Công nghệ M và ông Ngô Văn D thanh toán cho bà Nga số tiền lãi là 10%/ 1 năm (365 ngày) trên số tiền gốc. Cụ thể như sau:

-Từ ngày 05/11/2024 đến ngày 20/11/2024, số nợ gốc là: 850.500.000 đồng, với số ngày chậm thanh toán là: 15 ngày. Tiền lãi là: 850.500.000 đồng x 10%/365 x 15= 3.495.205 đồng

- Ngày 20/11/2024, Công ty Minh Đức trả: 10 triệu đồng, số nợ gốc giảm còn: 840.500.000 đồng, với số ngày chậm thanh toán từ 21/11/2024 đến 20/12/2024 là 28 ngày. Tiền lãi là: 840.500.000 đồng x 10%/365 x 28= 6.447.671 đồng.

- Ngày 20/12/2024, Công ty Minh Đức trả: 10 triệu đồng, số nợ gốc giảm còn: 830.500.000 đồng, với số ngày chậm thanh toán từ 21/12/2024 đến 20/1/2025 là 30 ngày. Tiền lãi là: 830.500.000 đồng x 10%/365 x 30= 6.826.070 đồng.

- Ngày 20/1/2025, Công ty Minh Đức trả: 10 triệu đồng, số nợ gốc giảm còn: 820.500.000 đồng, với số ngày chậm thanh toán từ 21/1/2025 đến 21/2/2025 là 31 ngày. Tiền lãi là: 820.500.000 đồng x 10%/365 x 31= 6.968.630 đồng.

- Ngày 21/2/2025, Công ty Minh Đức trả: 10 triệu đồng, số nợ gốc giảm còn: 810.500.000 đồng, với số ngày chậm thanh toán từ 22/2/2025 đến 05/04/2025 là 42 ngày. Tiền lãi là: 810.500.000 đồng x 10%/365 x 42= 9.236.301 đồng.

- Ngày 5/4/2025, Công ty Minh Đức trả: 10 triệu đồng, số nợ gốc giảm còn: 800.500.000 đồng.

Từ đó đến nay Công ty Minh Đức không hoàn trả bất cứ khoản tiền nào, tạm tính đến ngày đưa ra xét xử là ngày 24/11/2025 là 233 ngày. Tiền lãi là: 800.500.000 đồng x 10%/365 x 233 = 51.100.411 đồng.

Tổng số tiền lãi tính đến ngày 24/11/2025 là: 84.164.247 đồng.

Và tôi tiếp tục yêu cầu Công ty cổ phần Công nghệ M thanh toán cho tôi số tiền lãi là 10%/ 1 năm trên số tiền gốc cho đến khi Công ty cổ phần Công nghệ M thanh toán dứt điểm khoản nợ.

* Người được ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần Công nghệ M trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hằng N nộp cho Tòa biên bản thống nhất ký ngày 27/10/2023 Công ty cổ phần Công nghệ M còn nợ là 1.060.000.000 đồng và đã trả 120.000.000 đồng, Bà Nguyễn Thị Hằng N cho rằng Công ty Minh Đức còn nợ 940.000.000 đồng và đòi lãi xuất 10% của số tiền trên. Chúng tôi xin giải trình như sau, thực chất có tờ biên bản thống nhất này là do:

Ngày 27/10/2023, bà Nguyễn Thị Hằng N đã dẫn nhiều người đến uy hiếp tôi và gia đình: Dọa giết, dọa đâm xe tôi và gia đình, buộc tôi Ngô Văn D và vợ tôi là Nguyễn Thị Ngọc N phải ký vào biên bản thống nhất ngày 27/10/2023 mà bà Nguyễn Thị Hằng N đã gửi tòa (mặc dù vợ tôi là Nguyễn Thị Ngọc N không liên quan gì đến việc vay mượn nhưng cũng phải ký vào biên bản thống nhất ngày 27/10/2023 này) với số tiền 1.060.000.000 đồng.

Trong thời gian này tôi Ngô Văn D không còn là người đại diện theo pháp luật của Công ty Minh Đức, nên chúng tôi thấy điều này là trái pháp luật và có dấu hiệu hình sự nên đề nghị tòa án xem xét chứng cứ, bằng chứng chúng tôi cung cấp bằng hình ảnh và video giải quyết theo luật định.

Đề nghị tòa án vô hiệu hóa biên bản thống nhất ngày 27/10/2023 mà bà Nguyễn Thị Hằng N đã gửi đơn khởi kiện đến tòa án và yêu cầu bà Nguyễn Thị Hằng N trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc N 260.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Ngọc N đã chuyển cho bà Nguyễn Thị Hằng N và lãi suất theo quy định của pháp luật. Số tiền bà Nguyễn Thị Ngọc N đã chuyển cho bà Nguyễn Thị Hằng N vào tài khoản 1210054415 ngân hàng BIDV cụ thể như sau:

- Ngày 17/11/2023 chuyển 30.000.000 đồng;
- Ngày 30/11/2023 chuyển 20.000.000 đồng;
- Ngày 31/12/2023 chuyển 40.000.000 đồng;
- Ngày 30/01/2024 chuyển 10.000.000 đồng;
- Ngày 29/02/2024 chuyển 20.000.000 đồng;
- Ngày 27/4/2024 chuyển 20.000.000 đồng;
- Ngày 03/6/2024 chuyển 20.000.000 đồng;
- Ngày 03/6/2024 chuyển 10.000.000 đồng;
- Ngày 31/7/2024 chuyển 20.000.000 đồng;
- Ngày 01/10/2024 chuyển 20.000.000 đồng;
- Ngày 20/11/2024 chuyển 10.000.000 đồng;
- Ngày 20/12/2024 chuyển 10.000.000 đồng;
- Ngày 20/01/2025 chuyển 10.000.000 đồng;
- Ngày 20/02/2025 chuyển 10.000.000 đồng;
- Ngày 05/4/2025 chuyển 10.000.000 đồng;

Tổng cộng đã chuyển 260.000.000 đồng

Đây là các lần bà Nguyễn Thị Ngọc N chuyển sang tài khoản của bà Nguyễn Thị Hằng N mà đã tìm thấy giấy chuyển tiền, thực tế bà Nguyễn Thị Ngọc N cho rằng đã chuyển cho bà Nguyễn Thị Hằng N còn nhiều hơn số tiền 260.000.000 đồng, nên đề nghị tòa yêu cầu bà Nguyễn Thị Hằng N in sao kê tài khoản ngân hàng để ra số tiền thật mà bà Nguyễn Thị Ngọc N đã chuyển.

Ngày 27/10/2024 bà Nguyễn Thị Hằng N lại kéo nhiều người sang số 78 ngõ 521 đường Trương Định nơi ở của gia đình tôi và trụ sở Công ty Minh Đức hủy hoại tài sản, nhổ nước bọt vào mặt ông Ngô Văn D, sơn trên cửa cuốn và cửa cổng hai mặt nhà, dọa giết, dọa đâm chém, dọa đâm xe vào ông Ngô Văn D và gia đình tôi, tôi đã có đơn trình báo Công an phường Tân Mai. Cùng ngày 27/10/2024 trong lúc hỗn loạn tôi Ngô Văn D buộc phải ký cam kết trả tiền cho bà Nguyễn Thị Hằng N số tiền 10.000.000 đồng mỗi tháng. Tôi thấy hành vi này của bà Nguyễn Thị Hằng N là trái pháp luật, nên đề nghị tòa án vô hiệu hóa tờ giấy ký cam kết trả 10.000.000 đồng mỗi tháng này.

Ngày 28/10/2024 bà Nguyễn Thị Hằng N lại tiếp tục cho người qua uy hiếp chửi bới hạ nhục uy tín nhân phẩm cá nhân, tổ chức công ty Minh Đức, đem nhiều người đến cản trở hoạt động kinh doanh phun sơn vào cửa buộc công ty Minh Đức phải dừng hoạt động, dọa giết dọa đâm xe và nhổ nước bọt vào mặt ông Ngô Văn D, đập vỡ máy chiết bia tươi trị giá 5.000.000 đồng và 1 chậu cây cảnh trị giá 1.000.000 đồng và đã có đơn trình báo Công an phường Tân Mai, nhưng chưa nhận được kết quả giải quyết. Đề nghị Tòa xem xét và xử theo đúng luật định.

Đề nghị tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

- Xác định giấy cam kết trả nợ tôi đã ký ngày 27/10/2024 là vô hiệu;

- Đề nghị tòa án thu thập chứng cứ là sao kê tài khoản của bà Nguyễn Thị Hằng N để xác minh chính xác số tiền mà vợ tôi là bà Nguyễn Thị Ngọc N đã chuyển trả;

- Đề nghị tòa án xem xét thời hiệu khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Hà Nội:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, người được ủy quyền trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 351; Điều 400; Điều 401; Điều 463, Điều 466; khoản 2 Điều 468 BLTTDS năm 2015,

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty cổ phần Công nghệ M phải trả cho bà Nguyễn Thị Hằng N số tiền Nợ gốc: 600.500.000 đồng và phải chịu tiền lãi chậm trả tính từ ngày 06/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm; bác yêu cầu khởi kiện đối với giấy vay ngày 5/3/2019 với số tiền là: 259.500.000 đồng; xác định giấy cam kết trả nợ lập ngày 27/10/2024 là vô hiệu. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2024 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hằng N khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần Công nghệ M phải thanh toán số tiền vay còn nợ lại và lãi phát sinh. Do đó Tòa án xác định tư cách tham gia tố tụng là nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Công ty cổ phần Công nghệ M là người bị kiện nên được xác định là nguyên đơn trong vụ án.

Ông Ngô Văn D thời điểm vay nợ là người đại diện theo pháp luật của công ty, bà Nguyễn Thị Ngọc N là vợ ông Ngô Văn D có đứng ra chuyển tiền trả nợ cho công ty nên được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào tài liệu nguyên đơn cung cấp cũng như trong quá trình làm việc tại Tòa án thể hiện bị đơn Công ty cổ phần Công nghệ M, có địa chỉ trụ sở tại: Số 78, ngõ 521 Trương Định,

phường Tương Mai, Thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

[1.3]. Về việc xét xử vắng mặt: Xét thấy Công ty cổ phần Công nghệ M, người được ủy quyền; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Công ty cổ phần Công nghệ M và người được ủy quyền cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung vụ án: Do Công ty cổ phần Công nghệ M, khi đó người đại diện theo pháp luật là ông Ngô Văn D cần vốn nên có vay của bà Nguyễn Thị Hằng N số tiền 1.060.500.000đ (Một tỷ, không trăm sáu mươi triệu, năm trăm nghìn đồng), lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng; cụ thể bằng 7 hợp đồng vay tiền như sau:

Ngày 11/1/2010, Công ty cổ phần Công nghệ M vay số tiền là: 100.000.000 đồng.

Ngày 22/08/2013 Công ty cổ phần Công nghệ M vay số tiền là: 100.000.000 đồng.

Ngày 22/09/2013 Công ty cổ phần Công nghệ M vay số tiền là: 100.000.000 đồng.

Ngày 25/12/2013 Công ty cổ phần Công nghệ M vay số tiền là: 100.000.000 đồng.

Ngày 23/1/2017 Công ty cổ phần Công nghệ M vay số tiền là: 150.000.000 đồng.

Ngày 5/3/2019 Công ty cổ phần Công nghệ M vay số tiền là: 259.500.000 đồng.

Ngày 31/12/2019 Công ty cổ phần Công nghệ M vay số tiền là: 251.000.000 đồng.

Nhận thấy từ thời điểm ký kết thoả thuận đến nay, Công ty cổ phần Công nghệ M, ông Ngô Văn D không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ. Từ tháng 11/2023, nếu theo đúng thoả thuận thì Công ty Minh Đức phải trả cho bà Nguyễn Thị Hằng N số tiền là: 390.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng) vào theo từng tháng như thoả thuận. Hành vi này của Công ty Minh Đức đã vi phạm nghĩa vụ theo thoả thuận. Bà Nguyễn Thị Hằng N cũng đã rất nhiều lần liên hệ, yêu cầu Công ty cổ phần Công nghệ M giải quyết việc trả lại tiền vay, tuy nhiên, đến nay Công ty cổ phần Công nghệ M vẫn không trả và cũng không có thiện chí để giải quyết, cố tình kéo dài và trốn tránh nghĩa nghĩa vụ của mình nên bà Nguyễn Thị Hằng N làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc còn lại và yêu cầu tính lãi 10%/năm, kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ của từng giấy vay tiền.

Bị đơn Công ty cổ phần Công nghệ M lấy lí do bị ép ký vào biên bản thỏa thuận và cho rằng thời hiệu khởi kiện không còn, không đồng ý trả ngay số tiền còn nợ cho bà Nguyễn Thị Hằng N.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hằng N: Hội đồng xét xử thấy rằng tại "Giấy vay tiền" được lập vào các ngày 11/01/2010, ngày 22/08/2013, ngày 22/09/2013, ngày 25/12/2013, ngày 23/1/2017, ngày 05/3/2019, ngày 31/12/2019" cũng như lãi suất thỏa thuận và biên bản thống nhất lập ngày 27/10/2023 do nguyên đơn cung cấp (bản sao có công chứng chứng thực) thể hiện Công ty cổ phần Công nghệ M có vay của bà Nguyễn Thị Hằng N số tiền là 1.060.500.000 đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi triệu, năm trăm nghìn đồng); hai bên thỏa thuận trong đó về thời gian trả nợ, lãi suất; Do đó các văn bản trên phù hợp với Điều 400; Điều 401 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tính đến ngày 04/11/2024 Công ty cổ phần Công nghệ M mới trả được cho bà Nguyễn Thị Hằng N số tiền là 120.000.000đ, do đó đến thời hạn thanh toán bị đơn Công ty cổ phần Công nghệ M không thực hiện đúng cam kết trả nợ là vi phạm Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Công ty cổ phần Công nghệ M thời điểm vay tiền bà Nga do ông Ngô Văn D là người đại diện theo pháp luật, tại thời điểm lập biên bản giấy cam kết trả nợ do ông Ngô Văn D ký ngày 27/10/2024 thì ông Dực đã chuyển giao cho con trai là anh Ngô Minh D làm người đại diện theo pháp luật, tại thời điểm lập văn bản này ông Dực không cho bà Nga biết là đã thay đổi người đại diện theo pháp luật, mặt khác từ đó cho đến nay bà Nga vẫn liên tục đòi nợ Công ty Minh Đức và Công ty cũng như ông Dực vẫn thường xuyên trả nợ cho bà Nga lần trả gần nhất là ngày 05/4/2025 chuyển 10.000.000 đồng; nhưng không có ý kiến gì về giấy cam kết trả nợ ký ngày 27/10/2024, do đó giấy cam kết trả nợ vẫn có hiệu lực, vì vậy thời hiệu khởi kiện vụ án được áp dụng theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4]. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn cũng như trình bày của người được ủy quyền: Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với số tiền gốc 800.500.000 đồng; thời gian tính lãi của từng giấy vay tiền còn nợ và thời gian tính lãi từ ngày 05/11/2025 với lãi suất 10%/năm, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chứng cứ "Giấy vay tiền" được lập vào các ngày 11/01/2010, ngày 22/08/2013, ngày 22/09/2013, ngày 25/12/2013, ngày 23/1/2017, ngày 05/3/2019, ngày 31/12/2019" và biên bản thống nhất lập ngày 27/10/2023 do nguyên đơn cung cấp (bản sao có công chứng chứng thực) giữa các đương sự là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Mặc dù trong hợp đồng thể hiện lãi suất là 3%/tháng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi là 10%/năm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với mức lãi xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Khi đến thời hạn trả nợ, phía bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết, xét nguyên nhân đây là lỗi cố ý của bị đơn cố tình kéo dài thời gian thanh toán. Nhằm đảm

bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần xem xét đến mức lãi phát sinh đối với số tiền gốc tính từ ngày 05/11/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm. Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định mức lãi suất tại thời điểm xét xử là 10%/năm (tương ứng với 0,83%/tháng). Như vậy, tiền lãi suất xác định như sau:

-Từ ngày 05/11/2024 đến ngày 20/11/2024, số nợ gốc là: 850.500.000 đồng, với số ngày chậm thanh toán là: 15 ngày. Tiền lãi là: 850.500.000 đồng x 10%/365 x 15= 3.495.205 đồng

- Ngày 20/11/2024, Công ty Minh Đức trả: 10 triệu đồng, số nợ gốc giảm còn: 840.500.000 đồng, với số ngày chậm thanh toán từ 21/11/2024 đến 20/12/2024 là 28 ngày. Tiền lãi là: 840.500.000 đồng x 10%/365 x 28= 6.447.671 đồng.

- Ngày 20/12/2024, Công ty Minh Đức trả: 10 triệu đồng, số nợ gốc giảm còn: 830.500.000 đồng, với số ngày chậm thanh toán từ 21/12/2024 đến 20/1/2025 là 30 ngày. Tiền lãi là: 830.500.000 đồng x 10%/365 x 30= 6.826.070 đồng.

- Ngày 20/1/2025, Công ty Minh Đức trả: 10 triệu đồng, số nợ gốc giảm còn: 820.500.000 đồng, với số ngày chậm thanh toán từ 21/1/2025 đến 21/2/2025 là 31 ngày. Tiền lãi là: 820.500.000 đồng x 10%/365 x 31= 6.968.630 đồng.

- Ngày 21/2/2025, Công ty Minh Đức trả: 10 triệu đồng, số nợ gốc giảm còn: 810.500.000 đồng, với số ngày chậm thanh toán từ 22/2/2025 đến 05/04/2025 là 42 ngày. Tiền lãi là: 810.500.000 đồng x 10%/365 x 42 = 9.236.301 đồng.

- Ngày 5/4/2025, Công ty Minh Đức trả: 10 triệu đồng, số nợ gốc giảm còn: 800.500.000 đồng.

Từ đó đến nay Công ty Minh Đức không hoàn trả bất cứ khoản tiền nào, tạm tính đến ngày xét xử là ngày ngày 24/11/2025 là 233 ngày. Tiền lãi là: 800.500.000 đồng x 10%/365 x 233 = 51.100.411 đồng.

Tổng số tiền lãi tính đến ngày 24/11/2025 là: 84.164.247 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc và lãi Công ty cổ phần Công nghệ M phải trả cho bà Nguyễn Thị Hằng N tạm tính đến ngày 24/11/2025 là 884.664.247 đồng (Tám trăm tám mươi tư triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, hai trăm bốn mươi bảy đồng) trong đó tiền gốc là 800.500.000 đồng, tiền lãi là 84.164.247 đồng.

[5]. Xét quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa về việc không chấp nhận giấy vay tiền lập ngày 5/3/2019 và giấy cam kết trả nợ lập ngày 27/10/2024 là vô hiệu; là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[6]. Về án phí: Công ty cổ phần Công nghệ M phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại tiết d điểm 1.3 Mục II, Phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Hoàng Văn Cường phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000 đồng = 38.539.000

đồng (Ba mươi tám triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 351; Điều 400; Điều 401; Điều 429; Điều 463, Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hằng N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc Công ty cổ phần Công nghệ M phải trả cho bà Nguyễn Thị Hằng N tổng số tiền là 884.664.247 đồng (Tám trăm tám mươi tư triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, hai trăm bốn mươi bảy đồng); trong đó tiền gốc là 800.500.000 đồng, tiền lãi là 84.164.247 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án, nếu Công ty cổ phần Công nghệ M chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty cổ phần Công nghệ M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 38.539.000 đồng (Ba mươi tám triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Hằng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000đ (*Hai mươi mốt triệu đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0034302 ngày 05 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục THADS quận Hoàng Mai, nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Xuân Phương

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 3;
- Phòng THADS T.P Hà Nội;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Phương